HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 82/2026/NQ-HĐND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng và trọng dụng người có năng khiếu nghệ thuật và người có năng khiếu thể thao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 144/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

Căn cứ Nghị định số 116/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 261/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang;

Xét Tờ trình số 1438/TTr-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng và trọng dụng người có năng khiếu nghệ thuật và người có năng khiếu thể thao tại Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 300/BC-BVHXH ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng và trọng dụng người có năng khiếu nghệ thuật và người có năng khiếu thể thao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng đối với người có năng khiếu nghệ thuật và người có năng khiếu thể thao của Thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện theo một phần quy định tại điểm e khoản 1 Điều 26 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người có năng khiếu nghệ thuật được tuyển chọn để tham gia chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo Nghị quyết này, nhằm phát triển lực lượng kế thừa và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại các đơn vị nghệ thuật công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người có năng khiếu thể thao được tuyển chọn để tham gia chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo Nghị quyết này, nhằm phát triển lực lượng vận động viên và thực hiện nhiệm vụ tập luyện, thi đấu tại các đơn vị, đội tuyển thể thao thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Không hỗ trợ trùng lặp đối với cùng một nội dung chi. Trường hợp người được hỗ trợ đã được ngân sách nhà nước hoặc nguồn kinh phí hợp pháp khác hỗ trợ một phần chi phí đối với cùng nội dung thì ngân sách Thành phố chỉ hỗ trợ phần chi phí còn thiếu trong phạm vi mức hỗ trợ được phê duyệt, bảo đảm tổng kinh phí hỗ trợ không vượt quá chi phí thực tế hợp lệ và mức hỗ trợ tối đa theo quy định của Nghị quyết này.

2. Việc đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực nghệ thuật, thể thao của Thành phố và chương trình, kế hoạch hoặc nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc xét chọn người tham gia phải bảo đảm phù hợp với yêu cầu chuyên môn của từng chương trình; đối với người đã từng thụ hưởng chính sách, phải xem xét kết quả thực hiện, số lần và tổng kinh phí đã được hỗ trợ nhằm bảo đảm công bằng trong tiếp cận chính sách, phân bổ nguồn lực hợp lý, tránh tập trung hỗ trợ không hợp lý vào một số cá nhân và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách Thành phố.

3. Việc thực hiện chính sách phải bảo đảm đúng đối tượng, đúng mục đích, công khai, minh bạch và tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện.

4. Việc chi trả kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo từng đợt hoặc theo tiến độ thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn trên cơ sở chương trình, kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và hợp đồng (nếu có). Đối với các khoản chi có tính chất định kỳ, việc chi trả được thực hiện hằng tháng hoặc theo kỳ thanh toán tương ứng; đối với các khoản chi thanh toán một lần, việc chi trả được thực hiện theo thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán hoặc sau khi hoàn thành chương trình, phù hợp với hồ sơ, chứng từ hợp pháp, hợp lệ. Việc tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Năng khiếu nghệ thuật: là khả năng hoặc tố chất nổi trội của cá nhân trong một hoặc nhiều loại hình nghệ thuật gồm hát bội, cải lương, múa, nhạc cụ, xiếc

và múa rối, được phát hiện, đánh giá thông qua tuyển chọn theo tiêu chí chuyên môn và có tiềm năng phát triển thông qua đào tạo, bồi dưỡng.

2. Năng khiếu thể thao: là khả năng hoặc tố chất của cá nhân về hình thái, chỉ số y sinh học, tâm lý, vận động và các yếu tố chuyên môn phù hợp với môn thể thao được tuyển chọn, được đánh giá thông qua các tiêu chí chuyên môn và có tiềm năng phát triển thành tích thể thao thông qua đào tạo, huấn luyện.

3. Đào tạo: là quá trình học tập theo chương trình đào tạo chuyên môn trong lĩnh vực nghệ thuật hoặc thể thao tại các cơ sở đào tạo trong nước hoặc nước ngoài. Khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học được công nhận tốt nghiệp, công nhận trình độ và được cấp văn bằng hoặc chứng chỉ theo quy định.

4. Bồi dưỡng: là hoạt động truyền nghề, bổ sung, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn, kỹ thuật và năng lực thực hành trong lĩnh vực nghệ thuật hoặc thể thao, được thực hiện thông qua các chương trình bồi dưỡng tại cơ sở đào tạo, đơn vị chuyên môn hoặc do nghệ nhân, nghệ sĩ, chuyên gia, huấn luyện viên trực tiếp hướng dẫn. Kết thúc chương trình bồi dưỡng, người học không bắt buộc phải được cấp văn bằng, chứng chỉ.

5. Tập huấn: là hoạt động huấn luyện chuyên môn trong lĩnh vực thể thao nhằm nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật, thể lực và năng lực thi đấu của người có năng khiếu thể thao, được thực hiện theo chương trình, kế hoạch tập huấn tại các cơ sở, trung tâm huấn luyện hoặc đơn vị thể thao trong nước và nước ngoài.

6. Môn thể thao trọng điểm: là môn được lựa chọn để ưu tiên đầu tư và phát triển trong một giai đoạn nhất định, nhằm thực hiện những mục tiêu chiến lược của Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Môn thể thao Olympic: là môn thể thao thuộc chương trình thi đấu chính thức của kỳ Đại hội Thể thao Olympic mùa hè hoặc mùa đông gần nhất đã được tổ chức, theo danh mục do Ủy ban Olympic quốc tế công bố tại thời điểm phê duyệt chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn.

8. Thời gian phục vụ theo cam kết được tính kể từ ngày người được hỗ trợ bắt đầu thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo quyết định hoặc văn bản phân công của cơ quan có thẩm quyền sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn. Đối với người đang thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, thời gian phục vụ được tính kể từ ngày trở lại thực hiện nhiệm vụ sau khi hoàn thành chương trình. Thời gian chờ bố trí nhiệm vụ do nguyên nhân không thuộc trách nhiệm của người được hỗ trợ không tính vào thời gian phục vụ theo cam kết và không được xác định là vi phạm cam kết.

Chương II
ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN

Điều 5. Điều kiện được tham dự tuyển chọn tham gia chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn năng khiếu nghệ thuật, năng khiếu thể thao

1. Đối với người có năng khiếu nghệ thuật

a) Có đủ sức khỏe để tham gia chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và tính chất của loại hình nghệ thuật được tuyển chọn;

b) Có lý lịch rõ ràng, phẩm chất đạo đức tốt; không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; không đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện hoặc giáo dục bắt buộc;

c) Có năng khiếu, tiềm năng phát triển trong loại hình nghệ thuật thuộc phạm vi hỗ trợ của Nghị quyết; có nguyện vọng tham gia chương trình đào tạo, bồi dưỡng và cam kết thực hiện nghĩa vụ sau đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại Nghị quyết này;

d) Đối với người chưa đủ 18 tuổi, việc đăng ký tham gia chương trình phải có sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật. Việc xác lập, thực hiện cam kết và các giao dịch có liên quan được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật dân sự về năng lực hành vi dân sự của người chưa thành niên.

2. Đối với người có năng khiếu thể thao

a) Có năng khiếu, tiềm năng phát triển thành tích thể thao, đáp ứng tiêu chí tuyển chọn về chuyên môn, thể chất và các yêu cầu đặc thù của môn thể thao tương ứng. Tiêu chí tuyển chọn phải phù hợp với độ tuổi, giai đoạn phát triển của người tham gia, được cơ quan, đơn vị chuyên môn có thẩm quyền xác định và công khai trước khi tổ chức tuyển chọn;

b) Có lý lịch rõ ràng, phẩm chất đạo đức tốt; không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; không đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện hoặc giáo dục bắt buộc;

c) Tự nguyện tham gia chương trình đào tạo, tập huấn năng khiếu thể thao; cam kết thực hiện nghĩa vụ phục vụ theo Điều 8 tại các đơn vị thể dục, thể thao Thành phố;

d) Đối với người chưa đủ 18 tuổi, việc đăng ký tham gia chương trình phải có sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật. Việc xác lập, thực hiện cam kết và các giao dịch có liên quan được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật dân sự về năng lực hành vi dân sự của người chưa thành niên.

Điều 6. Chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn trong nước

1. Đối với người có năng khiếu nghệ thuật

Mức hỗ trợ bồi dưỡng lĩnh vực nghệ thuật là hỗ trợ thực tế được xác định trên cơ sở chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; việc thanh toán, quyết toán căn cứ chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ. Thời gian mỗi đợt bồi dưỡng không quá 03 tháng.

a) Bồi dưỡng truyền nghề: hỗ trợ chi phí bồi dưỡng đối với người có năng khiếu nghệ thuật được lựa chọn tham gia chương trình bồi dưỡng truyền nghề tối đa 36.000.000 đồng/người/chương trình/năm;

b) Bồi dưỡng tại cơ sở đào tạo: người được cử tham gia chương trình bồi dưỡng tại cơ sở đào tạo trong nước được hỗ trợ học phí, kinh phí ăn, ở, di chuyển, tài liệu và các khoản chi phí bắt buộc phải nộp cho cơ sở đào tạo theo thực tế, nhưng không quá 100.000.000 đồng/người/năm;

c) Đào tạo tại cơ sở đào tạo: người có năng khiếu nghệ thuật được cấp có thẩm quyền cử tham gia chương trình đào tạo tại cơ sở đào tạo trong nước được hỗ trợ học phí, kinh phí ăn, ở, di chuyển, tài liệu và các khoản chi phí bắt buộc phải nộp cho cơ sở đào tạo theo thực tế, nhưng không quá 160.000.000 đồng/người/chương trình.

2. Đối với người có năng khiếu thể thao

a) Tổ chức chương trình đào tạo, tập huấn do huấn luyện viên nước ngoài trực tiếp thực hiện tại đơn vị thể thao nơi người có năng khiếu thể thao đang tập luyện: hỗ trợ chi phí tổ chức chương trình đào tạo, tập huấn theo hợp đồng và chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, với tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 1.500.000.000 đồng/chương trình;

b) Trường hợp cử người có năng khiếu thể thao tham gia chương trình đào tạo, tập huấn tại cơ sở đào tạo trong nước: hỗ trợ học phí, tiền lương, tiền dinh dưỡng, chi phí ăn, ở, đi lại, thực phẩm chức năng, chế độ bảo hiểm, tài liệu và các khoản chi phí bắt buộc phải nộp cho cơ sở đào tạo theo thực tế, với tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 1.200.000.000 đồng/người/chương trình;

c) Trong một năm, người được hỗ trợ chỉ được tham gia 01 chương trình đào tạo, với thời gian đào tạo không quá 12 tháng/năm; tổng thời gian tham gia các chương trình đào tạo của mỗi người không vượt quá 05 năm.

Điều 7. Chế độ hỗ trợ đào tạo ở nước ngoài

1. Đối với người có năng khiếu nghệ thuật

a) Người được cử đi đào tạo ở nước ngoài được hỗ trợ học phí, chi phí ăn, ở, đi lại, tài liệu học tập, cấp thị thực và các khoản chi phí bắt buộc phải nộp cho cơ sở đào tạo theo chi phí thực tế, nhưng tổng mức hỗ trợ không quá 4.000.000.000 đồng/người/chương trình;

b) Thời gian được hỗ trợ đào tạo căn cứ thời gian của chương trình tại cơ sở đào tạo được lựa chọn, không quá 05 năm cho một chương trình.

2. Đối với người có năng khiếu thể thao

a) Người được cử đi đào tạo ở nước ngoài được hỗ trợ học phí, tiền lương, tiền dinh dưỡng, chi phí ở, đi lại, thực phẩm chức năng, tài liệu học tập, cấp thị thực (visa), chế độ bảo hiểm và các khoản chi phí bắt buộc của chương trình đào tạo theo chi phí thực tế, nhưng tổng mức hỗ trợ không quá 1.600.000.000 đồng/người/năm;

b) Thời gian được hỗ trợ đào tạo căn cứ thời gian của chương trình tại cơ sở đào tạo được lựa chọn, không quá 05 năm.

Điều 8. Chính sách trọng dụng và nghĩa vụ của người có năng khiếu nghệ thuật và người có năng khiếu thể thao sau đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn

1. Chính sách trọng dụng

a) Được cơ quan, đơn vị quản lý chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn xem xét, giới thiệu đến các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố có nhu cầu tuyển dụng phù hợp với chuyên môn được đào tạo. Việc tuyển dụng, tiếp nhận

và sử dụng thực hiện theo vị trí việc làm, điều kiện, tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục quy định của pháp luật có liên quan;

b) Được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tạo điều kiện tham gia biểu diễn, các cuộc thi nghệ thuật trong nước và quốc tế; thi đấu các giải thể thao cấp Thành phố, quốc gia và quốc tế phù hợp với năng lực chuyên môn, kế hoạch hoạt động của cơ quan, đơn vị, quy định pháp luật chuyên ngành và nghĩa vụ phục vụ theo cam kết.

2. Nghĩa vụ

a) Cam kết thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại cơ quan, đơn vị hoặc đội tuyển thuộc phạm vi quản lý của Thành phố sau khi hoàn thành chương trình được hỗ trợ, với thời gian như sau:

Đối với chương trình bồi dưỡng, tập huấn có thời gian thực hiện không quá 01 năm: 03 năm;

Đối với chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn có thời gian thực hiện trên 01 năm: 05 năm.

Trường hợp người được hỗ trợ tham gia nhiều chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, thời gian cam kết phục vụ được xác định theo chương trình có thời gian cam kết phục vụ dài nhất; không cộng dồn thời gian cam kết phục vụ của các chương trình. Thời gian phục vụ được tính từ ngày người được hỗ trợ bắt đầu thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo quyết định hoặc văn bản phân công của cơ quan có thẩm quyền sau khi hoàn thành chương trình. Đối với lĩnh vực thể thao, thời gian tập luyện, thi đấu theo quyết định hoặc văn bản phân công được tính vào thời gian phục vụ. Trường hợp người được hỗ trợ chưa được bố trí nhiệm vụ do nguyên nhân thuộc trách nhiệm của cơ quan, đơn vị thì không bị xác định là vi phạm cam kết phục vụ trong thời gian chờ bố trí;

b) Thực hiện tốt nhiệm vụ được giao tại đơn vị công tác và tích cực tham gia phục vụ nhiệm vụ chính trị của Thành phố Hồ Chí Minh;

c) Thực hiện nghĩa vụ hoàn trả kinh phí hỗ trợ khi thuộc trường hợp phải hoàn trả theo quy định tại Điều 10 của Nghị quyết này;

d) Trường hợp người được hỗ trợ đã hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn và sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ phục vụ theo cam kết nhưng chưa được bố trí, tiếp nhận hoặc phân công nhiệm vụ do nguyên nhân thuộc trách nhiệm của cơ quan, đơn vị thì thời gian chờ bố trí nhiệm vụ không được xác định là thời gian vi phạm cam kết và không làm phát sinh nghĩa vụ hoàn trả kinh phí hỗ trợ. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý chương trình có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xác nhận bằng văn bản nguyên nhân, thời gian chờ bố trí nhiệm vụ và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Điều 9. Hội đồng tuyển chọn người có năng khiếu nghệ thuật, người có năng khiếu thể thao

1. Thành lập Hội đồng tuyển chọn: Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn người có năng khiếu nghệ thuật và Hội đồng tuyển

chọn người có năng khiếu thể thao (sau đây gọi chung là Hội đồng tuyển chọn); giao Sở Văn hóa và Thể thao quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn người tham gia chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn trên cơ sở đề xuất của Hội đồng tuyển chọn.

2. Thành phần Hội đồng tuyển chọn: Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo cơ quan chuyên môn về văn hóa, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn; các Ủy viên Hội đồng gồm: Đại diện phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực nghệ thuật hoặc thể thao thuộc cơ quan chuyên môn về văn hóa, thể thao của Thành phố; Đại diện bộ phận tài chính của cơ quan, đơn vị được giao quản lý kinh phí hỗ trợ; Đại diện cơ quan, đơn vị dự kiến trực tiếp quản lý, sử dụng người được tuyển chọn; Chuyên gia, nghệ sĩ, nhà giáo hoặc huấn luyện viên có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp với chuyên ngành nghệ thuật, môn thể thao được tuyển chọn. Một Ủy viên là đại diện phòng chuyên môn được phân công đồng thời làm Thư ký Hội đồng.

Hội đồng tuyển chọn có ít nhất 07 thành viên, tổng số thành viên là số lẻ; các thành viên có chuyên môn phù hợp với chuyên ngành nghệ thuật, môn thể thao được tuyển chọn chiếm ít nhất một nửa tổng số thành viên Hội đồng tuyển chọn. Trường hợp tuyển chọn nhiều chuyên ngành, môn thể thao, Hội đồng tuyển chọn được tổ chức các nhóm chuyên môn để hỗ trợ đánh giá.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng tuyển chọn:

a) Rà soát hồ sơ, đánh giá việc đáp ứng đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện tham gia chương trình theo Nghị quyết này;

b) Xây dựng tiêu chí, thang điểm, phương pháp đánh giá và phương án tổ chức tuyển chọn phù hợp với từng chương trình, loại hình nghệ thuật, môn thể thao, trình Sở Văn hóa và Thể thao phê duyệt; công khai tiêu chí, thang điểm, phương pháp đánh giá trước khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn;

c) Tổ chức đánh giá hồ sơ, kiểm tra chuyên môn, thực hành, phỏng vấn hoặc áp dụng hình thức phù hợp khác theo phương án tuyển chọn đã được phê duyệt;

d) Đánh giá năng khiếu, tiềm năng phát triển, khả năng đáp ứng yêu cầu của chương trình; tổng hợp kết quả, đề xuất danh sách người được tuyển chọn và cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý sau tuyển chọn;

đ) Xem xét, giải trình các vấn đề thuộc chuyên môn tuyển chọn khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

4. Nguyên tắc và chế độ làm việc

a) Hội đồng tuyển chọn làm việc theo nguyên tắc tập thể, bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, công bằng; đánh giá theo tiêu chí, thang điểm và phương pháp đã được phê duyệt, công bố trước khi tuyển chọn;

b) Chủ tịch Hội đồng tuyển chọn triệu tập, chủ trì cuộc họp. Cuộc họp được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên tham dự, trong đó có Chủ

tịch hoặc Phó Chủ tịch được ủy quyền chủ trì, Thư ký và thành viên có chuyên môn phù hợp với nội dung xét chọn;

c) Thành viên Hội đồng tuyển chọn đánh giá độc lập và chịu trách nhiệm về ý kiến, kết quả đánh giá của mình. Thành viên có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột với người đăng ký tuyển chọn hoặc có xung đột lợi ích phải báo cáo và không tham gia đánh giá, biểu quyết đối với trường hợp đó. Việc bố trí thành viên thay thế phải bảo đảm điều kiện tiến hành cuộc họp;

d) Danh sách đề xuất tuyển chọn phải căn cứ kết quả đánh giá và được trên một nửa tổng số thành viên Hội đồng tuyển chọn đồng ý. Ý kiến khác được ghi đầy đủ trong biên bản;

đ) Kết quả đánh giá, biểu quyết và kiến nghị của Hội đồng tuyển chọn phải được lập thành biên bản; phiếu đánh giá và tài liệu liên quan được lưu cùng hồ sơ tuyển chọn.

5. Trình và quyết định tuyển chọn

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xét chọn, Hội đồng tuyển chọn gửi biên bản, kết quả đánh giá và danh sách đề xuất đến cơ quan có thẩm quyền quyết định tuyển chọn theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Kết quả tuyển chọn được công khai và thông báo đến người đăng ký. Việc tiếp nhận, xem xét kiến nghị, phản ánh về kết quả tuyển chọn được thực hiện thông qua cơ quan chủ trì tổ chức tuyển chọn;

c) Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm công khai danh sách người được tuyển chọn và thông báo kết quả đến người đăng ký tham gia; tổ chức tiếp nhận, xem xét, giải quyết hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, phản ánh liên quan đến kết quả tuyển chọn theo quy định của pháp luật. Việc công khai kết quả phải bảo đảm tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và các thông tin cần được bảo mật theo quy định pháp luật.

6. Tổ chức thực hiện sau tuyển chọn

a) Cơ quan, đơn vị được giao chủ trì chương trình tổ chức ký kết hợp đồng, cam kết theo Nghị quyết này; phân công cơ quan, đơn vị và người trực tiếp quản lý, theo dõi người được tuyển chọn; đánh giá kết quả tham gia chương trình và việc thực hiện nghĩa vụ phục vụ sau khi hoàn thành chương trình;

b) Đối với người chưa đủ 18 tuổi, việc ký kết hợp đồng, cam kết có sự tham gia của người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật dân sự.

Điều 10. Hoàn trả kinh phí hỗ trợ và các trường hợp không phải hoàn trả

1. Các trường hợp phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ

Người được hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết này phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây (trừ các trường hợp được miễn hoàn trả theo quy định tại khoản 4 Điều này):

a) Tự ý bỏ học, bỏ tập, bỏ việc trong thời gian tham gia chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản;

b) Bị cơ sở đào tạo, đơn vị tổ chức chương trình quyết định buộc thôi học, đình chỉ tham gia chương trình do hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nghiêm trọng nội quy, quy chế của chương trình;

c) Không hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn do nguyên nhân chủ quan thuộc trách nhiệm của người được hỗ trợ;

d) Đã hoàn thành chương trình nhưng tổng thời gian học tập, đào tạo thực tế vượt quá 1,5 lần thời gian chuẩn của chương trình do nguyên nhân chủ quan thuộc trách nhiệm của người được hỗ trợ;

đ) Sau khi hoàn thành chương trình, không chấp hành quyết định tiếp nhận, bố trí hoặc phân công nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan có thẩm quyền; tự ý bỏ việc hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc khi chưa thực hiện đủ thời gian cam kết phục vụ quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết này.

2. Xác định chi phí thuộc diện hoàn trả

a) Kinh phí thuộc diện hoàn trả là toàn bộ các khoản ngân sách nhà nước đã thực tế chi trả trực tiếp cho người được hỗ trợ hoặc thanh toán cho cơ sở đào tạo, chuyên gia, đơn vị cung ứng dịch vụ phục vụ quá trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo hợp đồng và chứng từ kế toán hợp pháp, hợp lệ (bao gồm: học phí, lệ phí visa, tài liệu học tập bắt buộc, chi phí chuyển nhượng, thuê chuyên gia/huấn luyện viên, thuê cơ sở vật chất tập huấn đặc thù);

b) Không tính vào kinh phí phải hoàn trả các khoản: tiền lương, phụ cấp lương, các khoản đóng và hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo chế độ; tiền thưởng đạt thành tích thi đấu/biểu diễn; tiền dinh dưỡng đặc thù và thực phẩm chức năng phục vụ trực tiếp quá trình tập luyện, thi đấu theo tiêu chuẩn định mức đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Mức hoàn trả kinh phí hỗ trợ

a) Đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này: hoàn trả 100% kinh phí thuộc diện hoàn trả đã được ngân sách nhà nước chi trả;

b) Đối với trường hợp vi phạm thời gian cam kết phục vụ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này, số tiền phải hoàn trả được xác định theo tỷ lệ thời gian chưa phục vụ theo công thức thống nhất sau:

$$\text{Số tiền phải hoàn trả} = \text{Tổng kinh phí thuộc diện hoàn trả} \times [(T_\text{cam kết} - T_\text{thực tế}) / T_\text{cam kết}]$$

Trong đó:

- T_cam kết: Tổng số tháng có nghĩa vụ phục vụ theo cam kết quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết này.
- T_thực tế: Số tháng thực tế đã công tác, tập luyện, biểu diễn hoặc thi đấu được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

4. Các trường hợp không phải hoàn trả, miễn giảm hoàn trả

Người được hỗ trợ được miễn toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ hoàn trả kinh phí trong các trường hợp sau:

a) Được cơ quan có thẩm quyền quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn do yêu cầu nhiệm vụ chính trị hoặc do sắp xếp lại tổ chức bộ máy, không xuất phát từ lỗi chủ quan của người được hỗ trợ;

b) Bị tai nạn, chấn thương làm suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên hoặc mắc bệnh hiểm nghèo dẫn đến mất khả năng tiếp tục tập luyện, biểu diễn, thi đấu chuyên môn theo kết luận của Hội đồng Giám định y khoa có thẩm quyền;

c) Trong quá trình đào tạo, tập huấn, người được hỗ trợ không đạt mục tiêu chuyên môn phát triển theo từng giai đoạn và được cơ quan có thẩm quyền quyết định dừng chương trình trên cơ sở kết luận của Hội đồng chuyên môn, với điều kiện người được hỗ trợ đã chấp hành đầy đủ nội quy, quy chế đào tạo và nghĩa vụ đã cam kết;

d) Gặp sự kiện bất khả kháng hoặc nguyên nhân khách quan khác theo quy định của pháp luật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 11. Hội đồng xét hoàn trả kinh phí hỗ trợ và thủ tục thu hồi

1. Thẩm quyền thành lập Hội đồng

Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quyết định hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn quyết định thành lập Hội đồng xét hoàn trả kinh phí hỗ trợ (sau đây gọi tắt là Hội đồng) để tư vấn, xác định nghĩa vụ hoàn trả, số tiền phải hoàn trả hoặc việc miễn, giảm hoàn trả kinh phí hỗ trợ.

2. Thành phần Hội đồng

Hội đồng có ít nhất 05 hoặc 07 thành viên (số lẻ), gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: đại diện lãnh đạo cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: đại diện lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng người được hỗ trợ;

c) Các Ủy viên Hội đồng: đại diện bộ phận chuyên môn nghiệp vụ (nghệ thuật hoặc thể thao); đại diện bộ phận tài chính - kế toán; đại diện bộ phận pháp chế hoặc thanh tra; người trực tiếp theo dõi, quản lý học viên/vận động viên. Đại diện bộ phận chuyên môn đồng thời làm Thư ký Hội đồng.

3. Trình tự xem xét và quyết định thu hồi

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số. Cuộc họp chỉ tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên tham dự. Trước khi Hội đồng họp 05 ngày làm việc, người được xét hoàn trả (hoặc người đại diện theo pháp luật đối với người chưa thành niên) được thông báo bằng văn bản, có quyền tiếp cận bảng tổng hợp chi phí và trình bày ý kiến giải trình trực tiếp hoặc gửi văn bản giải trình đến Hội đồng;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản và kiến nghị của Hội đồng, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi kinh phí hỗ trợ hoặc Quyết định miễn hoàn trả. Quyết định thu hồi phải

nêu rõ căn cứ pháp lý, tổng chi phí đã hỗ trợ, số tiền phải nộp lại, thời hạn nộp và thông tin tài khoản thu ngân sách nhà nước;

c) Trong thời hạn tối đa 120 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi, người có nghĩa vụ hoàn trả (hoặc người đại diện theo pháp luật cam kết bảo lãnh) có trách nhiệm nộp đầy đủ số tiền phải hoàn trả vào ngân sách nhà nước theo hướng dẫn;

d) Trường hợp người được hỗ trợ hoặc người đại diện theo pháp luật cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả kinh phí theo quyết định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành khởi kiện ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để thu hồi kinh phí theo quy định của pháp luật dân sự và tố tụng dân sự.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 11 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa XI, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 30 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp xã;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, (P.CTHĐND - Tuyên).

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Võ Văn Minh